

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

- Tên gói thầu: Dịch vụ phi tư vấn - Sửa chữa trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe, ký túc xá
- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng.
- Nguồn vốn: Nguồn dịch vụ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu gói thầu: Quý IV - 2025.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 40 ngày (Kể cả ngày lễ và ngày nghỉ).

2. Mục tiêu công việc: Nhằm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện đầy đủ các nội dung của gói thầu đạt chất lượng, tiến độ công việc; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của gói thầu.

II. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật

Toàn bộ các yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Yêu cầu về mặt kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau (chi tiết nhà thầu cần phải căn cứ vào hồ sơ thiết kế kỹ thuật):

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
	A/ TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH LÁI XE		
	I/ VỊ TRÍ SỬA CHỮA SÂN MÔ TÔ		
	1.1/ SỬA CHỮA NHÀ CHỜ THI SÂN MÔ TÔ		
1	Lắp dựng dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m ²	3,093
2	Tháo mái tôn	100m ²	3,068
3	Tháo dỡ vách ngăn, trần các loại	m ²	116,820
4	Tháo dỡ kết sắt thép bằng thủ công, chiều cao <= 6m	tấn	2,735
5	Gia công thêm cột chống bằng ống mạ kẽm phi 90	tấn	0,055
6	Hàn gia cố bản mã chân cột	10m	0,820
7	Cung cấp lắp đặt bu lông neo chân cột M20x100mm	cái	116,0
8	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	100m ²	0,025
9	Bê tông chân cột, kích thước 300x300x100mm, đá 1x2, mác 200, PC40	m ³	0,189
10	Cạo bỏ lớp sơn trên bề mặt kim loại	m ²	160,882

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
11	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	166,262
12	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	1,622
13	Lắp dựng cột thép các loại	tấn	1,191
14	Lợp lại tôn cũ	100m2	3,067
15	Chống dột mái tôn	m2	306,675
16	Gia công thép hộp 30x60x1.4mm làm khung treo trần	tấn	0,093
17	Lắp khung treo trần	tấn	0,093
18	Nhân công lắp trần thạch cao 600x600mm	m2	19,040
19	Sơn khung sắt vách kính	m2	28,560
20	Lắp khung ốp alu trên vách kính	m2	13,0
21	Sơn tường ngoài nhà đã bả	m2	20,880
22	Gia công cột bằng thép hình	tấn	0,189
23	Gia công xà gồ thép	tấn	0,187
24	Gia công bằng mã	tấn	0,020
25	Lắp đặt co thép nối bằng phương pháp hàn đk 90mm	cái	15,0
26	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	8,105
27	Cung cấp lắp đặt bu lông neo chân cột M20x100mm	1 bộ	24,0
28	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	100m2	0,007
29	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông bó cổ cột, tiết diện cột 0,3x0,30,1m, đá 1x2, mác 200, PC40	m3	0,054
30	Lắp dựng cột thép các loại	tấn	0,229
31	Lắp dựng xà gồ thép	tấn	0,187
32	Lợp mái tole mạ màu dày 4.5 dzem	100m2	0,50
	1.2/ SƠN LẠI VÁCH TƯỜNG NHÀ CHỜ (KT: 2m x 152,6m)		
1	Đục lớp vữa trát tường cũ chiếm 70% diện tích tường	m2	170,940
2	Cạo bỏ lớp sơn cũ	m2	152,460
3	Cắt đục xử lý vết nứt tường	m	75,0
4	Trát tường ngoài chiều dày trát 1,5cm, vữa XM M75, PC40	m2	170,940
5	Bả matic	m2	323,40
6	Sơn tường ngoài nhà đã bả	m2	323,40
	1.3/ SƠN LẠI MẶT SÂN MÔ TÔ (HÌNH THI A1)		
1	Tưới nhũ tương nhựa lót tiêu chuẩn 1,1kg/m2 thi công - nhũ tương nhựa - tưới thủ công	10m2	39,645

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
2	Kẻ vạch sân	m2	39,10
3	Sơn chữ xuất phát và mũi tên chỉ hướng	trọn gói	1,0
4	Sơn epoxy thanh gỗ ghè	m2	5,670
1.4/ LẮP ĐẶT VẠCH CẢN			
1	Gia công khuôn đúc	cái	9,0
2	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép thanh gỗ ghè, đường kính cốt thép > 10mm.	tấn	0,058
3	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép thanh gỗ ghè, đường kính cốt thép <= 10mm, chiều cao <= 6m	tấn	0,006
4	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông thanh gỗ ghè, đá 1x2, mác 300, PC40	m3	0,365
5	Khoan rút lõi đường kính d90	lỗ khoan	54,0
6	Lắp đặt thanh gỗ ghè	cái	18,0
7	Vệ sinh quét dọn mặt đường	m2	80,0
1.5/ LÁT GẠCH VỈA HÈ, SÂN THI			
1	Dọn dẹp mặt bằng	10m2	22,919
2	Đào góc cây	góc cây	3,0
3	Đảm đất chặt đất bằng thủ công	công	5,0
4	Láng vữa xi măng, dày 6cm, vữa XM mác 100, PC40	m2	217,940
5	Lát sân bằng gạch mắt nai 400x40mm	m2	219,140
6	Bê tông đà ô trồng cây	m3	0,675
7	Trát gờ chỉ, vữa XM mác 75, PC40	m	30,0
8	Vệ sinh sân bãi	m2	220,10
9	Vận chuyển vật tư và rác thải các loại đi đổ bỏ khỏi phạm vi công trình	gói	1,0
1.6/ LẮP ĐẶT ĐÈN CHIẾU SÁNG SÂN THI			
1	Lắp đặt đèn pha lõi đi 150w	bộ	10,0
II/ SỬA CHỮA CÁC KHỐI NHÀ			
I/ SỬA CHỮA KHỐI NHÀ A			
1.1/ SƠN LẠI PHÒNG ĐỐI BẰNG (P. ĐỘI PHÓ)			
1	Đóng hộp chân tường bằng thạch cao:	m2	4,0
2	Cạo bỏ lớp sơn cũ	m2	22,0
3	Bả matic	m2	26,0

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
4	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà	m2	99,40
5	Vệ sinh dọn dẹp mặt bằng sau khi thi công xong	m2	28,0
	2/ SỬA CHỮA KHÔI NHÀ B		
	2.1/ SỬA CHỮA NHÀ VỆ SINH TẦNG TRỆT (NAM, NỮ)		
1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,408
2	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	17,10
3	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	bộ	5,0
4	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	bộ	5,0
5	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	bộ	4,0
6	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, ...)	bộ	18,0
7	Phá dỡ nền gạch hiện hữu	m2	25,450
8	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	m2	25,450
9	Phá dỡ tường ốp gạch hiện hữu	m2	72,150
10	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	72,150
11	Vệ sinh, xả nhám tường cũ	m2	196,950
12	Đục tường dòi lababo Nữ sang vị trí mới	m	10,0
13	Đục tường lắp ống cho tiểu nam	m	8,0
14	Tháo ống uPVC d114	100m	0,10
15	Tháo ống uPVC d90	100m	0,20
16	Tháo ống uPVC d32	100m	0,30
17	Lắp hố thu nước	cái	2,0
18	Lắp ống uPVC d114	100m	0,10
19	Thay ống uPVC d90 bị nghẽn	100m	0,20
20	Lắp ống uPVC d42mm	100m	0,250
21	Lắp ống cấp uPVC d21 cho lababo nữ, tiểu nam	100m	0,10
22	Lắp ống uPVC d32	100m	0,30
23	Nối, loi, co, te d114	cái	18,0
24	Côn chuyển đổi D90/42	cái	9,0
25	Tê d90	cái	15,0
26	Loi d90	cái	15,0
27	Nối d90	cái	10,0
28	Lắp đặt co răng trong D21	cái	4,0
29	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 150, PC40	m3	5,090

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
30	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PC40	m2	25,450
31	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 300x300mm, vữa XM M100, PC40	m2	25,450
32	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, PC40	m2	77,150
33	Ốp tường gạch granite 300x600	m2	86,580
34	Lăn sơn chống ố vào trần, tường	m2	181,710
35	Bả bằng bột bả vào tường, trần	m2	181,710
36	Sơn dầu, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	181,710
37	CCLD Cửa đi, cửa sổ nhôm (có khung bao), kính dày 8mm	m2	17,10
38	Cung cấp lắp đặt khóa cửa nhôm	bộ	7,0
39	CCLĐ chốt gài cửa lật	bộ	12,0
40	CCKĐ bộ ke cửa lật	bộ	24,0
41	CCLD khung đỡ Lavabo	cái	1,0
42	CCLĐ mặt bàn đá lavabo	cái	1,0
43	Lắp đặt chậu rửa đặt bàn đá vệ sinh nữ	bộ	2,0
44	Lắp đặt vòi lavabo nữ	bộ	2,0
45	Lắp đặt chậu rửa lavabo Nam (tận dụng)	bộ	3,0
46	Lắp đặt vòi lavabo nam	bộ	3,0
47	Thay mới bộ xả lavabo	bộ	3,0
48	CCLD vách ngăn compact tiểu nam	cái	4,0
49	Lắp đặt chậu xí bệt	bộ	5,0
50	Lắp đặt bộ chia nước cấp bồn cầu	cái	5,0
51	Lắp đặt dây cấp nước	cái	10,0
52	Lắp đặt vòi xịt vệ sinh	cái	5,0
53	Lắp đặt vòi rửa sàn	bộ	5,0
54	Lắp đặt chậu tiểu nam	bộ	4,0
55	Lắp đặt nút nhấn xả tiểu	bộ	4,0
56	Lắp đặt gương soi 1x1.5m nữ	cái	1,0
57	Lắp đặt gương soi 1x1m nam	cái	3,0
58	Lắp đặt phễu thu, đường kính 150mm	cái	8,0
59	Lắp đặt các loại đèn ống dài 1,2m, loại hộp đèn 1 bóng	bộ	3,0
60	Dọn dẹp vệ sinh công trình	m2	48,0

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
61	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - vận chuyển phế thải các loại	m3	9,818
62	Thu gom xà bần cho vào bao + bốc xếp lên xe + Thuê xe vận chuyển xà bần rác thải đi đổ khởi phạm vi công trình bằng xe tải	chuyến	2,0
2.2/ SỬA CHỮA NHÀ VỆ SINH TẦNG 1 (NAM, NỮ)			
1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,408
2	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m2	17,10
3	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	bộ	5,0
4	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	bộ	5,0
5	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	bộ	4,0
6	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, ...)	bộ	18,0
7	Phá dỡ nền gạch hiện hữu	m2	25,450
8	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	m2	25,450
9	Phá dỡ nền bê tông không cốt thép	m3	5,090
10	Phá dỡ tường ốp gạch hiện hữu	m2	72,150
11	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m2	72,150
12	Vệ sinh, xả nhám tường cũ	m2	196,950
13	Đục tường dời lababo Nữ sang vị trí mới	m	10,0
14	Đục tường lắp ống tiểu nam	m	8,0
15	Tháo ống uPVC d114	100m	0,10
16	Tháo ống uPVC d90	100m	0,20
17	Tháo ống uPVC d32	100m	0,30
18	Quét dung dịch chống thấm sàn vệ sinh	m2	34,030
19	Lắp ống uPVC d42	100m	0,10
20	Lắp ống cấp uPVC d21 cho lababo nữ, tiểu nam	100m	0,10
21	Lắp ống uPVC d32	100m	0,10
22	Nối, lõi, co, te d114	cái	5,0
23	Lắp đặt co răng trong D21	cái	4,0
24	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 150, PC40	m3	5,090
25	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PC40	m2	25,450
26	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 300x300mm, vữa XM M100, PC40	m2	25,450
27	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, PC40	m2	77,150

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
28	Ốp tường gạch granite 300x600	m2	86,580
29	Lăn sơn chống ố vào trần, tường	m2	181,710
30	Bả bằng bột bả vào tường, trần	m2	181,710
31	Sơn dầu, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	181,710
32	CCLD Cửa đi, cửa sổ nhôm (có khung bao), kính dày 8mm	m2	17,10
33	Cung cấp lắp đặt khóa cửa nhôm	bộ	7,0
34	CCLĐ chốt gài cửa lật	bộ	12,0
35	CCKĐ bộ ke cửa lật	bộ	24,0
36	CCLD khung đỡ Lavabo	cái	1,0
37	CCLĐ mặt bàn đá lavabo	cái	1,0
38	Lắp đặt chậu rửa đặt bàn đá vệ sinh nữ	bộ	2,0
39	Lắp đặt vòi lavabo nữ	bộ	2,0
40	Lắp đặt chậu rửa lavabo Nam (tận dụng)	bộ	3,0
41	Lắp đặt vòi lavabo nam	bộ	3,0
42	Thay mới bộ xả lavabo	bộ	3,0
43	CCLD vách ngăn compact tiểu nam	cái	4,0
44	Lắp đặt chậu xí bệt	bộ	5,0
45	Lắp đặt bộ chia nước cấp bồn cầu	cái	5,0
46	Lắp đặt dây cấp nước	cái	10,0
47	Lắp đặt vòi xịt vệ sinh	cái	5,0
48	Lắp đặt vòi rửa sàn	bộ	5,0
49	Lắp đặt chậu tiểu nam	bộ	4,0
50	Lắp đặt nút nhấn xả tiểu	bộ	4,0
51	Lắp đặt gương soi 1x1.5m nữ	cái	1,0
52	Lắp đặt gương soi 1x1m nam	cái	3,0
53	Lắp đặt phễu thu, đường kính 150mm	cái	8,0
54	Lắp đặt các loại đèn ống dài 1,2m, loại hộp đèn 1 bóng	bộ	3,0
55	Dọn dẹp vệ sinh công trình	m2	48,0
56	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - vận chuyển phế thải các loại	m3	14,908
57	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	14,908
58	Thu gom xà bần cho vào bao + bốc xếp lên xe + Thuê xe vận chuyển xà bần rác thải đi đổ khỏi phạm vi công trình bằng xe tải	chuyến	2,0

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
	2.3/ SỬA CHỮA NHÀ VỆ SINH TẦNG 2 (NAM, NỮ)		
1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m ²	0,408
2	Tháo dỡ cửa bằng thủ công	m ²	17,10
3	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh bệ xí	bộ	5,0
4	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu rửa	bộ	5,0
5	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh chậu tiểu	bộ	4,0
6	Tháo dỡ phụ kiện vệ sinh khác (như: gương soi, vòi rửa, ...)	bộ	18,0
7	Phá dỡ nền gạch hiện hữu	m ²	25,450
8	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	m ²	25,450
9	Phá dỡ nền bê tông không cốt thép	m ³	5,090
10	Phá dỡ tường ốp gạch hiện hữu	m ²	72,150
11	Phá lớp vữa trát tường, cột, trụ	m ²	72,150
12	Vệ sinh, xả nhám tường cũ	m ²	196,950
13	Đục tường dời lababo Nữ sang vị trí mới	m	10,0
14	Đục tường lắp ống tiểu nam	m	8,0
15	Tháo ống uPVC d114	100m	0,10
16	Tháo ống uPVC d90	100m	0,20
17	Tháo ống uPVC d32	100m	0,30
18	Quét dung dịch chống thấm sàn vệ sinh	m ²	34,030
19	Lắp ống uPVC d42	100m	0,10
	$10/100 = 0,1$		
20	Lắp ống cấp uPVC d21 cho lababo nữ, tiểu nam	100m	0,10
21	Lắp ống uPVC d32	100m	0,10
22	Nối, lơi, co, te d114	cái	5,0
23	Lắp đặt co răng trong D21	cái	4,0
24	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 150, PC40	m ³	5,090
25	Láng nền sàn không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PC40	m ²	25,450
26	Lát nền, sàn bằng gạch tiết diện 300x300mm, vữa XM M100, PC40	m ²	25,450
27	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM M100, PC40	m ²	77,150
28	Ốp tường gạch granite 300x600	m ²	86,580
29	Lăn sơn chống ố vào trần, tường	m ²	181,710

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
30	Bả bằng bột bả vào tường, trần	m2	181,710
31	Sơn dầu, trần, cột, tường trong nhà đã bả - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	181,710
32	CCLD Cửa đi, cửa sổ nhôm (có khung bao), kính dày 8mm	m2	17,10
33	Cung cấp lắp đặt khóa cửa nhôm	bộ	7,0
34	CCLĐ chốt gài cửa lật	bộ	12,0
35	CCKĐ bộ ke cửa lật	bộ	24,0
36	Lắp đặt thùng đun nước nóng	cái	1,0
37	CCLĐ mặt bàn đá lavabo	cái	1,0
38	Lắp đặt chậu rửa đặt bàn đá vệ sinh nữ	bộ	2,0
39	Lắp đặt vòi lavabo nữ	bộ	2,0
40	Lắp đặt chậu rửa lavabo Nam (tận dụng)	bộ	3,0
41	Lắp đặt vòi lavabo nam	bộ	3,0
42	Thay mới bộ xả lavabo	bộ	3,0
43	CCLD vách ngăn compact tiểu nam	cái	4,0
44	Lắp đặt chậu xí bệt	bộ	5,0
45	Lắp đặt bộ chia nước cấp bồn cầu	cái	5,0
46	Lắp đặt dây cấp nước	cái	10,0
47	Lắp đặt vòi xịt vệ sinh	cái	5,0
48	Lắp đặt vòi rửa sàn	bộ	5,0
49	Lắp đặt chậu tiểu nam	bộ	4,0
50	Lắp đặt nút nhấn xả tiểu	bộ	4,0
51	Lắp đặt gương soi 1x1.5m nữ	cái	1,0
52	Lắp đặt gương soi 1x1m nam	cái	3,0
53	Lắp đặt phễu thu, đường kính 150mm	cái	8,0
54	Lắp đặt các loại đèn ống dài 1,2m, loại hộp đèn 1 bóng	bộ	3,0
55	Dọn dẹp vệ sinh công trình	m2	48,0
56	Vận chuyển bằng thủ công 10m khởi điểm - vận chuyển phế thải các loại	m3	14,908
57	Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống	m3	14,908
58	Thu gom xả bồn cho vào bao + bốc xếp lên xe + Thuê xe vận chuyển xả bồn rác thải đi đổ khỏi phạm vi công trình bằng xe tải	chuyến	2,0
2.4/ VỊ TRÍ SỬA CHỮA SÂN THƯỢNG (CHỐNG THẤM)			
1	Vệ sinh mặt sàn	m2	205,90

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
2	Thu gom rác thải, xả bồn cho vào bao vận chuyển từ trên cao xuống đất	công	3,0
3	Vận chuyển vật tư từ dưới đất lên sân thượng để thi công	gói	1,0
4	Quét dung dịch chống thấm sàn sân thượng	m2	205,90
5	Lắp đặt chắn rác	cái	22,0
	2.5/ VỊ TRÍ SỬA CHỮA CÁC PHÒNG TẠI TẦNG 2 (PHÒNG THI LÝ THUYẾT, PHÒNG HỘI ĐỒNG, PHÒNG ĐIỀU HÀNH)		
1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo trong, chiều cao chuẩn 3,6m	100m2	0,60
2	Vệ sinh, xả nhám tường cũ	m2	324,740
3	Lăn sơn chống ố vào tường	m2	324,374
4	Bả bằng bột bả vào tường	m2	324,740
5	Sơn tường bằng sơn nước	m2	324,740
6	Vệ sinh dọn dẹp mặt bằng sau khi thi công xong	m2	201,60
7	Di dời bàn ghế phục vụ thi công và trả lại hiện trạng sau khi thi công xong	gói	1,0
	2.6/ CÁC NỘI DUNG KHÁC		
1	Cung cấp thang nhôm	cái	3,0
	III/ SỬA CÔNG TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ SÁT HẠCH LÁI XE		
1	Cắt sàn bê tông bằng máy, chiều dày sàn <=15cm (cắt để rải dây nguồn mới)	m	16,0
2	Lắp đặt ống nhựa HDPE đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính D32mm (dây nguồn)	m	17,0
3	Lắp đặt ống nhựa HDPE đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính 20mm (dây rò le)	m	21,0
4	Lắp đặt dây dẫn 4 ruột, 4x2.5mm ²	m	27,0
5	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x2.5mm ²	m	21,0
6	Lắp đặt tủ điện ngoài trời, chống nước	tủ	1,0
7	Lắp đặt Rơ le hành trình kín nước	cái	2,0
8	Tái lắp lại mặt bằng như hiện trạng	gói	1,0
9	Thay bộ truyền động nhông xích	bộ	1,0
10	Hàn gia cố khung cửa và cửa công bị hư	gói	1,0
11	Gia công đế và hộp cho motor	bộ	1,0
12	Cung cấp lắp đặt ray dẫn hướng V50x50x5mm	m	48,0
13	Vệ sinh công sắt trước khi sơn	m2	28,50

STT	Danh mục công tác/ Diễn giải KL	Đơn vị tính	Khối lượng
14	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	28,50
15	CCLĐ tủ điện điều khiển Phòng bảo vệ	tủ	1,0
16	CCLĐ motor 1,5HP 3 pha	máy	1,0
17	CCLĐ dây cáp và ròng rọc treo dây nguồn	gói	1,0
18	Hàn gia cố khung cửa và cửa công bị hư	gói	1,0
19	Vệ sinh cổng sắt trước khi sơn	m2	28,50
20	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	28,50
21	Tháo dỡ khuôn, đổ cửa, khay sắt bị mục	m	24,40
22	Gia công khuôn ,đổ cửa, khay sắt , hàn gia cố khung cửa	gói	1,0
23	Vệ sinh cổng sắt trước khi sơn	m2	32,50
24	Sơn sắt thép - 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	32,50
25	Lắp đặt đèn cao áp	bộ	5,0
	B/ KÝ TÚC XÁ		
	1/ LÁT GẠCH CÁC PHÒNG Ở BỊ BỂ		
1	Phá dỡ nền gạch	m2	9,360
2	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	m2	9,360
3	Tháo dỡ bệ xí và phụ kiện	bộ	5,0
4	Láng nền sàn, không đánh màu, chiều dày 3cm, vữa XM M100, PC40	m2	9,360
5	Lát nền gạch ceramic 600x600mm	m2	9,360
6	Lắp đặt chậu xí bệt (tận dụng)	bộ	5,0
7	Dọn dẹp xà bần cho vào bao và vận chuyển đi đổ bỏ khỏi phạm vi công trình	gói	1,0
	2/ HÀN GIA CỐ TAY VỊN CẦU THANG VÀ GIA CỐ MÀN TREO KHU HỘI TRƯỜNG		
1	Hàn gia cố lan can cầu thang inox	gói	1,0
2	Gia cố màn treo khu hội trường	gói	1,0
	3/ LÁT GẠCH SÂN TRƯỚC KÝ TÚC XÁ		
1	Phá dỡ nền gạch	m2	8,0
2	Phá dỡ nền láng vữa xi măng	m2	8,0
3	Lát gạch tận dụng	m2	8,0
	4/ LẮP ĐẶT ĐÈN CHIẾU SÁNG KHUÔN VIÊN SÂN KÝ TÚC XÁ		
1	Lắp đặt đèn pha lồi đi 150w	bộ	6,0

1. CÁC TIÊU CHUẨN QUY CHUẨN THAM KHẢO:

Stt	Nội dung quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật	Số hiệu
	a. An toàn trong thi công	
1.	Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng – Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5637:1991
2.	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
3.	An toàn điện	QCVN 01:2008/BCT
4.	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng	TCVN 5308:1991
5.	Bàn giao công trình xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.	TCVN 5640:1991
6.	Công việc hàn điện - Yêu cầu chung về an toàn	TCVN 3146:1986
7.	An toàn nổ - Yêu cầu chung	TCVN 3255:1986
8.	An toàn cháy - Yêu cầu chung	TCVN 3254:1989
	b. Thi công và nghiệm thu	
9.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung.	TCVN 9398:2012
10.	Kết cấu thép – Gia công, lắp ráp và nghiệm thu.	TCXDVN 170:2007
11.	Phòng cháy, chữa cháy, bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy.	TCVN 7435:2004

2. Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

a. Yêu cầu chung:

- Nhà thầu phải thi công hoàn thiện công trình, đảm bảo toàn bộ kết cấu chịu lực, chịu tải trọng về kết cấu của các hạng mục hiện trạng trước sửa chữa và sau sửa chữa và sửa chữa bất kỳ sai sót nào trong công trình theo đúng thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm xây dựng hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với điều kiện riêng của công trình và theo chỉ dẫn của cán bộ giám sát về mọi vấn đề nêu hay không nêu trong hợp đồng.
- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động của công trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình và trong giai đoạn bảo hành công trình.
- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị đưa vào thi công xây dựng công trình kể từ ngày khởi công xây dựng công trình đến ngày nghiệm thu bàn giao công trình.
- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thì nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính kinh phí

của mình.

- Cung cấp toàn bộ nguyên vật liệu đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế đưa vào thi công công trình.
- Tổ chức thi hiện thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành công trình đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.
- Cung cấp danh sách Ban chỉ huy công trường có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng thời hạn và nghĩa vụ của nhà thầu.
- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện trong công trường trong suốt quá trình thi công.
- Nếu chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận nhân viên của nhà thầu mà theo ý kiến của chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực thực hiện đúng dẫn nhiệm vụ thì nhà thầu không được phép cho người đó làm việc ở công trường nữa và nên thay thế càng sớm càng tốt.
- Nhà thầu phải báo cáo chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng, chết người, nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.
- Sau khi thi công hoàn thiện công trình và trước khi nghiệm thu công trình, nhà thầu phải thu dọn công trường sạch sẽ.
- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình.

b. Giám sát thi công:

- Giám sát kỹ thuật thi công công trình được quyền tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra quá trình thi công của nhà thầu bất cứ lúc nào. Nhà thầu phải có trách nhiệm hỗ trợ giám sát kỹ thuật công trình các công tác trên.
- Toàn bộ vật liệu, thiết bị, bán thành phẩm sản xuất chỉ được đưa vào công trường khi có văn bản nghiệm thu của giám sát kỹ thuật công trình. Mọi vật liệu, thiết bị bán thành phẩm không được giám sát kỹ thuật chấp thuận phải chuyển ra khỏi phạm vi công trường.
- Khi phát hiện những trường hợp bất hợp lý trong thiết kế thi công có thể gây hại đến công trình hoặc thiệt hại vật chất cho chủ đầu tư phải thông báo cho tổ chức đơn vị thiết kế có biện pháp xử lý.
- Vật tư thay thế chất lượng tương đương phải có chứng chỉ của nhà sản xuất và phải được tổ chức thiết kế, chủ đầu tư cho phép bằng văn bản mới được đưa vào công trường.

- Các phần khuất của công trình trước khi lắp phải có biên bản nghiệm thu. Nếu không tuân thủ theo những quy định trên thì mọi tổn thất phục hồi công trình do nhà thầu chịu.
- Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời đình chỉ hoặc hoãn thi công không được đòi hỏi bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và chủ đầu tư trong những trường hợp sau:
 - + Lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường
 - + Lý do nguyên nhân thời tiết, khí hậu.

2. Yêu cầu về chủng loại vật tư:

Nhà thầu phải chào theo đúng mẫu, đúng theo danh mục vật tư, thiết bị như trong hồ sơ thiết kế. Trường hợp nhà thầu phát hiện sai hoặc thiếu danh mục hoặc nhà thầu muốn đề xuất vật tư, thiết bị thay thế thì phải chào trong bảng chào riêng.

Nhà thầu chào đầy đủ các thông tin mã hiệu (nếu có), nhà sản xuất, nước sản xuất, nhà cung cấp, quy cách kỹ thuật, các vật tư, thiết bị theo yêu cầu hồ sơ thiết kế, đồng thời đính kèm theo HSDT các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan nếu có (Giấy chứng nhận hợp quy, Giấy chứng nhận hợp chuẩn, catalogue, ...) để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng và tính đáp ứng yêu cầu HSMT của các vật tư, thiết bị chào thầu.

3. Yêu cầu về trình tự thi công, lắp đặt:

Nhà thầu đề xuất trình tự thi công phù hợp và hợp lý dựa trên Bản vẽ mời thầu.

Bao gồm tất cả các hạng mục theo khối lượng mời thầu.

4. Yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn: theo yêu cầu của chủ đầu tư

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Nhà thầu phải thực hiện nghiêm về quy định phòng, chống, cháy nổ theo quy định hiện hành. Lập ban chỉ huy phòng chống cháy nổ, có phương án phòng cháy cụ thể, có thiết bị chữa cháy cục bộ, có bố trí các biển báo cấm lửa, hiệu lệnh chữa cháy tại công trường.

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Nhà thầu phải thực hiện nghiêm về quy định về vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành. Có biện pháp giảm bụi, tiếng ồn, chất thải rắn, chất thải sinh hoạt, nước thải sinh hoạt và thi công.

7. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Nhà thầu phải có các biện pháp an toàn lao động để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người, thiết bị và công trình trong suốt quá trình thi công.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Nhà nước cùng các phí tổn về việc để xảy ra tai nạn trên công trường.

- Tại những vị trí nguy hiểm Nhà thầu phải có các biển báo, cấm cò, rào chắn, ban đêm có đèn.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm về an toàn thi công, an toàn lao động, an ninh khu vực, đảm bảo giao thông và vệ sinh môi trường theo quy định hiện hành của Nhà nước trong thời gian thực hiện hợp đồng

8. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:

- Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thực hiện so với tiến độ thi công mà nhà thầu đã thống nhất với tư vấn giám sát, chủ đầu tư để kịp thời có biện pháp xử lý, các chậm trễ từng khâu công tác, từng mũi thi công.

- Nếu tư vấn giám sát và chủ đầu tư thấy tiến độ Nhà thầu thực hiện bị chậm, có khả năng làm chậm thời hạn hoàn thành công trình thì Nhà thầu phải có biện pháp cần thiết với sự đồng ý của tư vấn giám sát để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu bằng cách tập trung nhân công và thiết bị, Nhà thầu sẽ không được trả thêm khoản tiền nào về những biện pháp đó.

9. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể và các hạng mục:

Nhà thầu phải xây dựng dựng bảng tiến độ thi công tổng thể và chi tiết công trình theo thời gian nhà thầu đã dự thầu nhưng không được vượt thời gian quy định trong hồ sơ mời thầu.

10. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của nhà thầu:

Nhà thầu phải có Hệ thống quản lý chất lượng để thực hiện nội dung quản lý chất lượng thi công xây dựng công trình được quy định tại điều 25 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021

III. Yêu cầu về vật tư, vật liệu

Danh mục các vật tư vật liệu chủ yếu yêu cầu:

TT	Tên vật liệu	Nguồn gốc – Xuất xứ	Nhà thầu chào
1	Cát xây dựng	Đồng Nai, Bình Dương,....	
2	Đá xây dựng	Đồng Nai, Bình Dương,....	
3	Xi măng	Vicem Hà Tiên đa dụng hoặc tương đương.....	
4	Thép xây dựng	Hoà Phát, Hoa Sen hoặc tương đương.....	
5	Tole mạ màu dày 4.5 dzem	Đông Á, Hoa Sen hoặc tương đương.....	
6	Nhôm kính	Cửa nhôm Xinfu nhập dày 2.5mm hoặc tương đương....	
7	Dây điện	Cadivi hoặc tương đương....	
8	Thiết bị điện	MPE, Panasonic, Điện quang hoặc tương đương...	
9	Gạch ốp, lát	Gạch Viglacera bóng mờ, bóng kiếng hoặc tương đương,...	

10	Ống nước	Bình minh hoặc tương đương,...	
11	Sơn nước	Dulux, Nippoin, Maxilite hoặc tương đương,...	
12	Chống thấm	Kova CT-11A hoặc tương đương,...	
13	Trần thạch cao	Tấm thạch cao Vĩnh Tường chống ẩm, khung xương Vĩnh Tường	
14	Thiết bị vệ sinh	Inax, Viglacera,	
15	Phễu thu sàn	Phễu thu sàn inox 304 hoặc tương đương,...	

Lưu ý:

Vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình phải đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo khi phát hành E-HSMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Khi tham gia dự thầu, nhà thầu phải có bảng kê vật tư, thiết bị chủ yếu sử dụng cho công trình có nêu rõ nguồn gốc xuất xứ mới được xem là hợp lệ.

Toàn bộ chủng loại, nguồn gốc xuất xứ của vật tư, thiết bị sử dụng cho công trình sẽ được làm rõ chi tiết cụ thể trong quá trình thương thảo ký kết hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu và được chủ đầu tư ký thỏa thuận trước khi đưa vào sử dụng. Nhà thầu chỉ được phép sử dụng vật tư, thiết bị đã được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

Những vật tư, thiết bị nào không có trong “Bảng danh mục chủng loại vật tư, thiết bị chủ yếu dùng cho công trình” thì nhà thầu phải bảo đảm các vật tư, thiết bị đó có chất lượng phù hợp với hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo khi phát hành E-HSMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

Thực hiện kiểm định chất lượng, nghiệm thu, vận hành thử thiết bị trước khi đưa vào sử dụng.

Trong thời gian bảo hành, nếu thiết bị có trục trặc do hỏng hóc hay lắp đặt không đúng, thì nhà cung cấp thiết bị sẽ phải chịu mọi phí tổn để thay mới hoặc khắc phục những hư hỏng trên.

Có phương án bảo hành, kế hoạch bảo trì, chi phí bảo trì năm và phụ tùng thay thế bảo đảm cho thiết bị cung cấp.

IV. Các bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây:

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			

2			
...			